TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2020
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Tôn Nữ Yến N**, sinh ngày 15/3/1986

Địa chỉ: Số 200 đường 204 C, phường 4, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh **La Phước H(LA, HAI P**), sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 1995 H, W, FL 33884, USA.

(Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai chị Tôn Nữ Yến N trình bày:

Năm 2014, chị có quen biết anh La Phước H(LA, HAI P) qua họ hàng giới thiệu, quá trình tìm hiểu, anh chị nảy sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn ngày 06/10/2014. Năm 2018, anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, tình cảm không như ban đầu. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhận không đạt được, nay chị làm đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh La Phước H(LA, HAI P).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tường trình về việc ly hôn anh La Phước H(LA, HAI P) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau khoảng một tháng thì anh trở về Hoa Kỳ, xét thấy vợ chồng không hòa hợp nhau, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

- Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với Chị N.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn điện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Tôn Nữ Yến N và anh La Phước H(LA, HAI P) đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Tôn Nữ Yến N và anh La Phước H(LA, HAI P) kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2014. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh H trở về Hoa Kỳ, do điều kiện sống cách xa nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Nhận thấy không còn tình cảm với anh H, nên Chị N làm đơn yêu cầu ly hôn, anh H cũng có văn bản đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho chị N được ly hôn anh H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Phần tuyên xử*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tôn Nữ Yến N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tôn Nữ Yến N ly hôn với anh La Phước H(LA, HAI P).

2. Về quan hệ con chung: Chị N và anh La Phước H(LA, HAI P) không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tôn Nữ Yến N và anh La Phước H(LA, HAI P) không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tôn Nữ Yến N nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng (do ông Đặng Đức C nộp thay) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007187 ngày 07/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Tôn Nữ Yến N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng anh La Phước H(LA, HAI P) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung/.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Út Mẫn